

Số: 251/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 03 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212; Điều 213; Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 364/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Thái Việt H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Số 18, Đường A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố H;

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Số 18, Đường A, Khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản hòa giải thành tại Trung tâm Hòa giải - Đối thoại ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 107, Quyền số 01 ngày 06/8/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận N, Thành

phố H thì quan hệ hôn nhân giữa ông Thái Việt H và bà Phạm Thị Kim T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống vợ chồng ông Hưng và bà Tiếng không hạnh phúc do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống. Ông Hưng và bà Tiếng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, cả hai không còn yêu thương nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Hưng, bà Tiếng là không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của cả hai là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Thái Việt H và bà Phạm Thị Kim T xác nhận có 02 con chung tên là Thái Hoàng Phong, sinh ngày 14/4/2012 và Thái Hoàng Minh, sinh ngày 05/3/2014. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tiếng không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông Hưng, bà Tiếng về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hưng, bà Tiếng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Thái Việt H tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Thái Việt H, sinh năm 1979 với bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1981.

Quan hệ hôn nhân của ông Thái Việt H, bà Phạm Thị Kim T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, Quyền số 01 ngày 06/8/2009, đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Thái Việt H, bà Phạm Thị Kim T xác nhận có 02 con chung tên là Thái Hoàng P, sinh ngày 14/4/2012 và Thái Hoàng M, sinh ngày 05/3/2014. Hai bên thống nhất giao 02 con chung cho bà Phạm Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tiếng không yêu cầu ông Hưng cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ của ông H, bà T về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung được thực hiện theo qui định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông H, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), ông Thái Việt H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2017/0016704 ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Ông Hưng đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường M, Quận N, Thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Dung

